

Số: /2023/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 292/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, Thông tư số 296/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, Thông tư số 297/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán và Thông tư số 09/2021/TT-BTC ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 292/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (sau đây gọi là Thông tư số 292/2016/TT-BTC), Thông tư số 296/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (sau đây gọi là Thông tư số 296/2016/TT-BTC), Thông tư số 297/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (sau đây gọi là Thông tư số 297/2016/TT-BTC) và Thông tư số 09/2021/TT-BTC ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán (sau đây gọi là Thông tư số 09/2021/TT-BTC).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Thông tư số 292/2016/TT-BTC như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Đối tượng cập nhật kiến thức

Đối tượng cập nhật kiến thức hàng năm là kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán. Trường hợp người mới được cấp chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ kiểm toán viên thì được đăng ký để được hành nghề dịch vụ kế toán trong thời gian từ ngày được cấp chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ kiểm toán viên đến ngày 31/12 của năm sau năm được cấp chứng chỉ mà không bắt buộc phải cập nhật kiến thức.

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A được cấp chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ kiểm toán viên ngày 23/4/20X0 thì Ông A không bắt buộc phải cập nhật kiến thức để được hành nghề dịch vụ kế toán kể từ thời điểm được cấp chứng chỉ đến hết 31/12/20X1. Tuy nhiên, để tiếp tục duy trì điều kiện hành nghề dịch vụ kế toán từ 1/1/20X2 đến 31/12/20X2 thì Ông A phải có đủ thời gian cập nhật kiến thức năm 20X1 (từ 16/8/20X0 đến 15/8/20X1) theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 292/2016/TT-BTC.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Về nội dung cập nhật kiến thức:

a) Các quy định của pháp luật về kế toán, thuế của Việt Nam; Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán; *Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.*

b) Các quy định của pháp luật có liên quan về kinh tế, tài chính, kiểm toán; Kỹ năng quản lý, kinh nghiệm thực hành kế toán; Chuẩn mực kiểm toán quốc tế; Các kiến thức và thông tin khác liên quan đến nghề nghiệp.”

3. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 12 như sau:

“b) Có đơn xin hoãn giờ cập nhật kiến thức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 004 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi *Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán*, Bộ Tài chính chậm nhất là ngày 30/9 hàng năm.”

4. Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 14 như sau:

“đ) Bảng theo dõi điểm danh có chữ ký của từng học viên tham gia học hoặc tài liệu khác chứng minh việc tham gia học cập nhật kiến thức của từng học viên.”

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 15 như sau:

“3. Tổ chức các lớp học với số lượng *tối thiểu 10 học viên* và không quá 200 học viên/ lớp và theo dõi, điểm danh đầy đủ đối với các học viên tham gia lớp học.”

6. Sửa đổi khoản 6 Điều 15 như sau:

“6. Cấp giấy chứng nhận cho học viên đã tham gia cập nhật kiến thức ~~sau mỗi lớp học~~, trong đó ghi rõ tên đơn vị tổ chức lớp học, tên người học, số chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ kiểm toán viên, chuyên đề học, thời gian tổ chức lớp học, số lượng giờ học thực tế; cấp giấy xác nhận cho kế toán viên tham gia giảng dạy các lớp cập nhật kiến thức ~~sau mỗi lớp học~~, trong đó ghi rõ họ tên giảng viên, số chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ kiểm toán viên, chuyên đề đã giảng, thời gian giảng, số lượng giờ giảng theo từng chuyên đề giảng dạy.”

7. Thay thế Phụ lục số 01/CNKT bằng Phụ lục số 001 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Thay thế Phụ lục số 02/CNKT bằng Phụ lục số 002 ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Thay thế Phụ lục số 04/CNKT bằng Phụ lục số 003 ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Thay thế Phụ lục số 05/CNKT bằng Phụ lục số 004 ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Thay thế Phụ lục số 06/CNKT bằng Phụ lục số 005 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 296/2016/TT-BTC như sau:

1. Bổ sung khoản 9 Điều 3 như sau:

“9. Tài liệu chứng minh việc nộp phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán trừ trường hợp phí thẩm định đã được nộp khi hồ sơ nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.”

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán lập danh sách đề nghị Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cho những người đăng ký hành nghề tại đơn vị mình theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03/ĐKHN ban hành kèm theo Thông tư này cùng với hồ sơ đăng ký hành nghề của từng cá nhân *theo quy định tại Điều 3 hoặc Điều 10 hoặc Điều 11 Thông tư này. Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công của Bộ Tài chính.*”

3. Sửa đổi khoản 5 Điều 6 như sau:

“5. Người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán phải nộp đủ phí theo quy định và kèm theo tài liệu chứng minh đã nộp phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận trừ trường hợp phí thẩm định đã được nộp khi hồ sơ nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cho người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán thông qua doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán. Ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán không sớm hơn ngày bắt đầu có hiệu lực của hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, Bộ Tài chính trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

4. Sửa đổi Khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán bị rách, hỏng, mất thì kế toán viên hành nghề được đề nghị Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và không phải nộp phí ~~theo quy định.~~”

5. Sửa đổi Khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01/ĐKHN ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 02 ảnh màu 3x4cm được chụp trên nền trắng trong thời hạn không quá sáu (06) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán;

c) Các tài liệu quy định tại khoản 2, khoản 6, khoản 7 Điều 3 Thông tư này nếu có thay đổi so với lần đăng ký hành nghề gần nhất;

d) Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cũ đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

e) Tài liệu chứng minh việc nộp phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán trừ trường hợp phí thẩm định đã được nộp khi hồ sơ nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.”

6. Sửa đổi Điều 14 như sau:

“Điều 14. Công khai thông tin về kế toán viên hành nghề

1. *Định kỳ*, Bộ Tài chính cập nhật ~~thường xuyên~~ và công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính các thông tin sau:

a) Danh sách kế toán viên hành nghề tại từng doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán;

b) Danh sách kế toán viên hành nghề bị đình chỉ hành nghề dịch vụ kế toán;

c) Danh sách kế toán viên hành nghề bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán;

d) Danh sách kế toán viên hành nghề có Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị.

2. Bộ Tài chính sẽ bổ sung hoặc xóa tên kế toán viên hành nghề trong danh sách công khai kế toán viên đăng ký hành nghề tại từng doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán ~~ngay~~ khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán được cấp, cấp lại, bị hết hiệu lực hoặc không còn giá trị.”

7. Sửa đổi Khoản 2, 3, 4 Điều 15 như sau:

“2. Có văn bản gửi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh về việc không tiếp tục hành nghề dịch vụ kế toán theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Thông tư này *chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày không tiếp tục hành nghề dịch vụ kế toán.*

3. Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính *chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị* đối với các trường hợp quy định tại khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều 9 Thông tư này theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06/ĐKHN ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cũ cho Bộ Tài chính thông qua doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán ~~chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày~~ *khi* Giấy chứng nhận hết hiệu lực hoặc không còn giá trị đối với các trường hợp quy định tại khoản 2, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 9 Thông tư này trừ trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán đã được nộp lại khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán *khi kế toán viên hành nghề thay đổi nơi làm việc hoặc nơi đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hoặc thay đổi tên của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nơi kế toán viên đăng ký hành nghề.* ~~quy định khoản 3, 4 Điều 11 Thông tư này.~~”

8. Sửa đổi khoản 4 Điều 16 như sau:

“4. Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán của kế toán viên đăng ký hành nghề tại đơn vị hết hiệu lực hoặc không còn giá trị đối với các trường hợp quy định tại khoản 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 9 Thông tư này theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07/ĐKHN ban hành kèm theo Thông tư này.”

9. Sửa đổi khoản 6 Điều 16 như sau:

“6. Trường hợp kế toán viên hành nghề vẫn tiếp tục hành nghề dịch vụ kế toán khi hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán hết thời hạn thì phải tiếp tục ký kết hợp đồng lao động mới hoặc gia hạn hợp đồng lao động và gửi bản sao hợp đồng lao động mới cho Bộ Tài chính chậm nhất là 10 ngày ~~trước~~ kể từ ngày hợp đồng lao động hết thời hạn.”

10. Bổ sung khoản 10 Điều 16 như sau:

“10. Đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán phải thông báo cho Bộ Tài chính khi kế toán viên hành nghề chuyển sang đăng ký hành nghề kiểm toán tại chính đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán đó và thông báo về việc đã được hành nghề kiểm toán đồng thời nộp lại cho Bộ Tài chính Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người hành nghề được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.”

11. Thay thế Phụ lục số 01/ĐKHN bằng Phụ lục số 006 ban hành kèm theo Thông tư này.

12. Thay thế Phụ lục số 07/ĐKHN bằng Phụ lục số 007 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Thông tư số 297/2016/TT-BTC như sau:

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán gửi một bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này tới Bộ Tài chính và nộp phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán. Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công của Bộ Tài chính.”

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán phải đề nghị Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 63 Luật Kế toán hoặc kể từ ngày phát hiện Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán bị rách, hỏng, mất ~~mất hoặc bị hư hỏng~~. Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật Kế toán.”

3. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“Tổ chức *khi nộp hồ sơ* đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán *theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này* thì phải nộp phí thẩm định *cấp lần đầu, cấp lại* Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính.”

4. Bổ sung khoản 10 Điều 12 như sau:

“10. Đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán phải thông báo cho Bộ Tài chính khi chuyển sang đăng ký kinh doanh dịch vụ kiểm toán và thông báo về việc đã được kinh doanh dịch vụ kiểm toán đồng thời nộp lại cho Bộ Tài chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.”

5. Thay thế Phụ lục 3 thành Phụ lục 008 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Thay thế Phụ lục 7 thành Phụ lục 009 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Thông tư số 09/2021/TT-BTC như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Thời hạn kiểm tra

a) Kiểm tra trực tiếp ~~3 năm/lần~~ từ 3 năm trở lên một lần đối với đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán mà trong 3 năm trước liền kề tính đến thời điểm kiểm tra có doanh thu dịch vụ kế toán từng năm trên báo cáo tài chính từ 20 tỷ đồng trở lên và mỗi năm có từ 100 khách hàng dịch vụ kế toán trở lên. Doanh thu dịch vụ kế toán bao gồm doanh thu từ: dịch vụ làm kế toán; dịch vụ làm kế toán trưởng; dịch vụ lập, trình bày báo cáo tài chính và dịch vụ tư vấn kế toán;

b) Kiểm tra trực tiếp ~~ít nhất 5 năm/lần~~ từ 5 năm trở lên một lần đối với các đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.”

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 như sau:

“Hàng năm, căn cứ vào thời hạn kiểm tra trực tiếp định kỳ hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, Bộ Tài chính rà soát, lập kế hoạch kiểm tra, ~~công bố công khai tổng hợp~~ danh sách đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán thuộc đối tượng kiểm tra trực tiếp hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán trong năm và thông báo cho từng đối tượng được kiểm tra chậm nhất là 10 ngày trước ngày bắt đầu cuộc kiểm tra.”

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 11 như sau:

“Thành phần Đoàn kiểm tra bao gồm Trưởng Đoàn kiểm tra và các thành viên. Trưởng Đoàn kiểm tra ~~phải~~ là lãnh đạo cấp phòng trở lên của Bộ Tài chính. Số lượng thành viên tham gia Đoàn kiểm tra tùy thuộc vào quy mô của cuộc kiểm tra. Thành viên Đoàn kiểm tra bao gồm các cán bộ của Bộ Tài chính và cán bộ chuyên môn của Tổ chức nghề nghiệp về kế toán. Thành viên Đoàn kiểm tra là *cán bộ chuyên môn của Tổ chức nghề nghiệp về kế toán* phải có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 12 như sau:

“d) Đánh giá về tình hình tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật kế toán liên quan trong quá trình kinh doanh dịch vụ kế toán của đối tượng được kiểm tra. Căn cứ vào tài liệu, hồ sơ kiểm tra và xét đoán chuyên môn, Đoàn kiểm tra đưa ra ý kiến kết luận về các nội dung kiểm tra trong Biên bản kiểm tra *hoạt động dịch vụ kế toán (theo Phụ lục 010 ban hành kèm theo Thông tư này và sau đây trong Thông tư này được gọi tắt là “Biên bản kiểm tra”)*.”

5. Thay thế Điều 16 như sau:

“Điều 16. Hồ sơ hợp đồng dịch vụ kế toán

1. Thành phần Hồ sơ hợp đồng dịch vụ kế toán bao gồm:

1.1. Hợp đồng dịch vụ kế toán được ký kết giữa đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán với từng khách hàng.

1.2. Tài liệu, hồ sơ do đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán tự xây dựng, thu thập và thực hiện để phục vụ quá trình xem xét chấp nhận khách hàng của đơn vị cũng như thể hiện quá trình tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật kế toán có liên quan phù hợp với phạm vi trong hợp đồng dịch vụ cung cấp cho khách hàng và nội dung về công tác kế toán theo quy định của Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán trong quá trình cung cấp dịch vụ kế toán cho khách hàng, cụ thể như sau:

a) Đối với chứng từ kế toán của khách hàng

Căn cứ vào nội dung hợp đồng dịch vụ kế toán và phạm vi dịch vụ cung cấp cho khách hàng có liên quan đến chứng từ kế toán, đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán phải tự xây dựng và thực hiện các thủ tục để kiểm tra tính rõ ràng, trung thực, đầy đủ của các nội dung chủ yếu và thông tin ghi chép trên chứng từ kế toán theo quy định; đối chiếu tính chính xác của số liệu, thông tin trên chứng từ kế toán với các tài liệu khác có liên quan của khách hàng để làm căn cứ ghi sổ kế toán.

b) Đối với sổ kế toán của khách hàng

Căn cứ vào nội dung hợp đồng dịch vụ kế toán và phạm vi dịch vụ cung cấp cho khách hàng có liên quan đến sổ kế toán, đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán phải tự xây dựng và thực hiện các thủ tục để kiểm tra về các nội dung chủ yếu và các thông tin ghi chép trên sổ kế toán theo quy định; đối chiếu tính chính xác của số liệu, thông tin trên sổ kế toán với các tài liệu khác có liên quan của khách hàng để làm căn cứ lập và trình bày báo cáo tài chính.

c) Đối với dịch vụ rà soát báo cáo tài chính của khách hàng

Căn cứ vào nội dung hợp đồng cung cấp dịch vụ rà soát báo cáo tài chính của khách hàng, đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán phải tự xây dựng và thực hiện các thủ tục rà soát để báo cáo tài chính của khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật; đối chiếu tính chính xác của số liệu, thông tin trên báo cáo tài chính của khách hàng với các tài liệu khác có liên quan.

d) Đối với dịch vụ khác liên quan đến kế toán (nếu có): căn cứ vào bản chất và nội dung hợp đồng dịch vụ, phạm vi dịch vụ cung cấp cho khách hàng và quy định của pháp luật kế toán liên quan để đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán xây dựng và thực hiện các thủ tục để kiểm tra các nội dung liên quan đến việc thực hiện dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

2. Đoàn kiểm tra căn cứ thỏa thuận tại hợp đồng dịch vụ giữa đơn vị được kiểm tra với khách hàng về phạm vi nghĩa vụ, trách nhiệm của đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán khi cung cấp dịch vụ kế toán cho khách hàng và các hồ sơ dịch vụ kế toán quy định tại khoản 1 Điều này để đánh giá, kết luận về tình hình tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật kế toán liên quan của đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán trong phạm vi dịch vụ cung cấp.”

6. Sửa đổi Khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Ý kiến đánh giá về tình hình tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật kế toán liên quan được thực hiện trên cơ sở kết quả kiểm tra các hồ sơ hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán cho khách hàng của đối tượng được kiểm tra. ~~Bảng tiêu chí đánh giá về tình hình tuân thủ chuẩn mực nghề~~

~~ngành, chế độ kế toán và pháp luật kế toán liên quan trong quá trình cung cấp dịch vụ kế toán của đối tượng được kiểm tra được hướng dẫn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.”~~

7. Bổ sung Khoản 5 Điều 18 như sau:

“5. Đối tượng được kiểm tra thuộc một trong các trường hợp sau đây thì được xem là có sai phạm về chuyên môn hoặc vi phạm chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng:

a) Cung cấp dịch vụ kế toán cho các khách hàng thuộc các trường hợp không được cung cấp dịch vụ kế toán theo quy định của pháp luật kế toán.

b) Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở áp dụng sai chế độ kế toán.

c) Báo cáo tài chính trình bày không trung thực, khách quan, đầy đủ để người sử dụng báo cáo tài chính đánh giá đúng được thực trạng tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

d) Các sai sót trọng yếu khác.”

8. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Mục I Phụ lục I như sau:

“1. Lựa chọn đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán được kiểm tra

Hàng năm, Bộ Tài chính căn cứ vào thời hạn kiểm tra quy định tại Điều 7 Thông tư này và các thông tin trong quá trình giám sát hoạt động dịch vụ kế toán để lựa chọn danh sách đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán được kiểm tra trực tiếp định kỳ theo và công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính các tiêu chí như sau:

- Đã thành lập và đi vào hoạt động từ 36 tháng trở lên kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán;

- Ưu tiên lựa chọn đơn vị chưa từng được kiểm tra hoặc có doanh thu dịch vụ kế toán trung bình trong 3 năm trước liền kề cao hơn các đơn vị khác hoặc có khoảng thời gian từ lần kiểm tra trước đến năm được lựa chọn kiểm tra là từ 5 năm trở lên.”

9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2.2 Mục II Phụ lục I như sau:

“2.2. Kiểm tra tình hình tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật kế toán liên quan, các thủ tục thực hiện bao gồm:

a) Lựa chọn các hồ sơ liên quan đến hợp đồng dịch vụ kế toán để kiểm tra theo quy định tại Điều 17 Thông tư này;

b) Kiểm tra hồ sơ hợp đồng dịch vụ kế toán và các tài liệu khác có liên quan để xem xét thủ tục, quy trình cung cấp dịch vụ kế toán của đối tượng được kiểm tra theo quy định của chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật kế toán liên quan;

c) Thực hiện rà soát, kiểm tra và thu thập bằng chứng thích hợp để xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật kế toán liên quan của đối tượng được kiểm tra *trên cơ sở hồ sơ hợp đồng dịch vụ kế toán theo nội dung, phạm vi dịch vụ kế toán cung cấp cho khách hàng quy định tại Điều 16 Thông tư này trên cơ sở bảng tiêu chí đánh giá được hướng dẫn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;*

d) Đánh giá về tình hình tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật kế toán liên quan của từng hồ sơ được kiểm tra.”

10. Thay thế Phụ lục IV thành Phụ lục 010 ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Thay thế Phụ lục V thành Phụ lục 011 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Bãi bỏ và thay đổi từ ngữ

1. Bãi bỏ khoản 2 Điều 5 Thông tư số 292/2016/TT-BTC.

2. Bãi bỏ Khoản 7 Điều 11 Thông tư số 292/2016/TT-BTC.

3. Bãi bỏ khoản 4 Điều 13 Thông tư số 292/2016/TT-BTC.

4. Bãi bỏ Khoản 3, 4 Điều 11 Thông tư số 296/2016/TT-BTC.

5. Bãi bỏ Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTC.

6. Thay thế cụm từ “*Bộ Tài chính*” thành cụm từ “*Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Bộ Tài chính*” tại khoản 3 Điều 7, Điều 9, điểm c khoản 5 Điều 11, Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 18 Thông tư số 292/2016/TT-BTC.

7. Bỏ cụm từ “*từ năm 2016 trở về trước*” tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 296/2016/TT-BTC.

8. Thay thế cụm từ “10 ngày làm việc” thành cụm từ “10 ngày” tại khoản 3 Điều 7, Điều 9 Thông tư số 292/2016/TT-BTC, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 296/2016/TT-BTC, khoản 3 Mục I Phụ lục I Thông tư 09/2021/TT-BTC.

9. Thay thế cụm từ “3 ngày” thành cụm từ “3 ngày làm việc” tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 292/2016/TT-BTC.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../2024.

2. Khi các loại giấy tờ về lai lịch, nhận dạng của công dân Việt Nam thuộc thành phần hồ sơ quy định tại Thông tư này đã được tích hợp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân thì Bộ Tài chính có trách nhiệm khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân trên cơ sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các công ty dịch vụ kế toán; hộ kinh doanh dịch vụ kế toán;
- Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam;
- Hội Kế toán và kiểm toán Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Website Bộ Tài chính;
- Công báo;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Thành Hưng

PHỤ LỤC 001*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTC ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài chính)***Đơn vị:****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Địa chỉ:****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số:***Hà Nội, ngày tháng năm***BẢN ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHO KẾ TOÁN VIÊN
Năm ...**

Kính gửi: Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Bộ Tài chính

Sau khi xem xét các quy định về tổ chức cập nhật kiến thức đối với kế toán viên tại Thông tư số 292/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính, đơn vị ... *(tên hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán)* đăng ký kế hoạch, chương trình tổ chức cập nhật kiến thức đối với kế toán viên năm..., như sau:

1. Kế hoạch, chương trình

Tháng	Lớp số	Nội dung	Thời lượng (giờ)	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Ghi chú

2. Các tài liệu gửi kèm theo:

-

-

3. Đơn vị *(tên hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán)* cam kết:

- Có đủ cơ sở vật chất về phòng học, bàn ghế, bảng viết, giáo cụ và các trang thiết bị đào tạo khác đảm bảo chất lượng đào tạo;
- Bố trí giảng viên tham gia giảng dạy các lớp cập nhật kiến thức đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính;
- Thực hiện đúng trách nhiệm báo cáo và các quy định của Bộ Tài chính về tổ chức cập nhật kiến thức cho kế toán viên.

*....., ngày ... tháng ... năm ...***NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT***(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)*

PHỤ LỤC 002

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTC ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT
KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-QLKT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấp thuận cho đơn vị
được tổ chức cập nhật kiến thức cho kế toán viên

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 292/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho ... (tên đơn vị) được tổ chức cập nhật kiến thức cho kế toán viên theo nội dung chương trình đã đăng ký tại “Bản đăng ký tổ chức cập nhật kiến thức cho kế toán viên năm...” số ... ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2. Đơn vị có trách nhiệm tuân thủ đúng các quy định về cập nhật kiến thức cho kế toán viên và chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư số 292/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Khi có sự thay đổi về việc tổ chức lớp học, không còn đủ điều kiện hoặc không tiếp tục tổ chức cập nhật kiến thức cho kế toán viên, đề nghị thông báo cho Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Bộ Tài chính bằng văn bản hoặc bằng dữ liệu điện tử.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán chịu trách nhiệm thực hiện kiểm tra, giám sát việc tổ chức cập nhật kiến thức cho kế toán viên đối với các đơn vị đã đăng ký với Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu: VT, Cục QLKT.

CỤC TRƯỞNG

PHỤ LỤC 003*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2023/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2023 của Bộ Tài chính)***Đơn vị:****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Địa chỉ:****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số:****BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỔ CHỨC LỚP HỌC CẬP NHẬT
KIẾN THỨC KẾ TOÁN VIÊN****Năm ...**

Kính gửi: Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Bộ Tài chính

Đơn vị (*tên hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán*) đã tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kế toán viên năm... theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Đơn vị xin báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức cập nhật kiến thức năm ... như sau:

- Số lượng lớp đã tổ chức:
- Số lượt kế toán viên tham dự:
- Tổng hợp thời gian cập nhật kiến thức của các kế toán viên:

Số TT (1)	Ho và tên (2)	Chứng chỉ KTV		Số giờ CNKT từng lớp (giờ)			Tổng số giờ CNKT	
		Số	Ngày cấp	Lớp 1 (ngày .../...)	Lớp 2 (ngày .../...)		Kế toán, thuế, đạo đức nghề nghiệp	Khác
	Tổng cộng							

- Tự đánh giá về việc tổ chức các lớp học:

.....

5. Kiến nghị với Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Bộ Tài chính:

.....

....., ngày... tháng... năm ...
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT**
(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Sắp xếp thứ tự tăng dần theo số chứng chỉ kế toán viên, chứng chỉ kiểm toán viên.

(2) Kể cả giảng viên nếu giảng viên là kế toán viên có tính giờ cập nhật kiến thức.

PHỤ LỤC 004*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTC ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài chính)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**ĐƠN XIN HOÃN GIỜ CẬP NHẬT KIẾN THỨC NĂM ... (1)**

Kính gửi: Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Bộ Tài chính

Tên tôi là:

Năm sinh:

Chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ kiểm toán viên số: cấp ngày.../.../...

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán số: cấp ngày .../.../..., thời hạn đăng ký hành nghề kế toán từ ngày đến ngày tại Công ty

Năm ...⁽¹⁾ tôi đã cập nhật kiến thức được ... giờ (tính từ ngày 16/8 năm trước đến ngày 15/8 năm nay), trong đó có: ... giờ về pháp luật kế toán, thuế của Việt Nam, đạo đức nghề nghiệp về kế toán. Đối chiếu với quy định thì tôi còn thiếu tổng số ... giờ, trong đó thiếu: ... giờ về pháp luật kế toán, thuế của Việt Nam, đạo đức nghề nghiệp về kế toán.

Tôi làm đơn này xin hoãn giờ cập nhật kiến thức năm⁽¹⁾ để được hành nghề kế toán năm⁽²⁾

* Lý do xin hoãn:

* Tài liệu chứng minh kèm theo bao gồm:

-

-

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu gửi kèm theo đơn này.

....., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LÀM ĐƠN*(Ký, ghi rõ họ tên)**Ghi chú: (1) Ghi năm thiếu giờ cập nhật kiến thức**(2) Ghi năm liền sau năm thiếu giờ cập nhật kiến thức*

PHỤ LỤC 005*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTC ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH TỔ CHỨC LỚP HỌC CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHO KẾ TOÁN VIÊN**Năm ...**

Kính gửi: Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Bộ Tài chính

Đơn vị (*tên hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán*) dự kiến kế hoạch, chương trình tổ chức cập nhật kiến thức đối với kế toán viên năm, như sau:

Tháng	Lớp số	Nội dung	Thời lượng (giờ)	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Ghi chú

Các tài liệu gửi kèm theo (1):

-

-

....., ngày ... tháng ... năm ...
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
 LUẬT**

*(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)**Ghi chú: (1) Bao gồm cả tài liệu cập nhật kiến thức cho kế toán viên;*

PHỤ LỤC 006*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTC ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài chính)*

Ảnh 3x4
(Đóng
dấu giáp
lai)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ KẾ TOÁN**
Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát kế
toán, kiểm toán)

1. Họ và tên Nam/Nữ
2. Năm sinh Quê quán/Quốc tịch:
3. Giấy CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân số cấp ngày/...../.....
tại
4. Chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên số cấp ngày/...../.....
5. Nơi ở hiện nay:
6. Số điện thoại: email
7. Quá trình làm việc (Kê khai liên tục quá trình làm việc kể từ thời điểm cấp
bằng tốt nghiệp đại học cho đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hành nghề dịch vụ
kế toán):

<i>Quá trình làm việc từ đến</i>	<i>Chức danh, công việc</i>	<i>Tên đơn vị công tác</i>

8. Số giờ cập nhật kiến thức theo quy định của người đăng ký hành nghề dịch vụ
kế toán thuộc đối tượng phải cập nhật kiến thức (Nếu không thuộc đối tượng
phải cập nhật kiến thức thì gạch chéo) (kèm theo tài liệu chứng minh về số giờ
cập nhật kiến thức tại các tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán đối
với trường hợp có tính giờ cập nhật kiến thức):

<i>STT</i>	<i>Tên chuyên đề/môn CNKT</i>	<i>Thời gian CNKT</i>	<i>Số giờ CNKT</i>	<i>Cơ sở CNKT</i>	<i>Ghi chú</i>

	Tổng cộng	X		X	

Ví dụ: Thời gian đăng ký để bắt đầu hành nghề dịch vụ kế toán từ năm X_2 thì số giờ cập nhật kiến thức kê khai và tính là từ $16/8/X_0$ đến $15/8/X_1$.

- Số giờ cập nhật kiến thức về pháp luật kế toán, thuế Việt Nam, đạo đức nghề nghiệp về kế toán là giờ

9. Các hình thức đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán, kiểm toán (ghi rõ hình thức bị xử phạt, số Quyết định xử phạt và cơ quan ra Quyết định xử phạt, ngày chấp hành xong quyết định xử phạt; nếu không có thì gạch chéo)

.....

10. Hiện nay, cá nhân tôi còn tham gia làm người đại diện theo pháp luật, giám đốc (tổng giám đốc), chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh, công việc khác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác, cụ thể (Nếu không có thì gạch chéo):

<i>Các chức danh (công việc)</i>	<i>Thời gian làm việc</i>	<i>Tên đơn vị nơi làm việc</i>

(Chú ý: Ghi cụ thể các chức danh (công việc), thời gian làm việc, tên các đơn vị nơi người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán làm việc ngoài đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán)

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cho tôi để tôi hành nghề dịch vụ kế toán tại đơn vị (tên đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán)

Tôi xin cam kết:

- Không thuộc đối tượng không được đăng ký hành nghề kế toán theo quy định tại Khoản 4 Điều 58 Luật Kế toán.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của những nội dung kê khai trên đây và các tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

Ngày..... tháng năm

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Họ và tên, chữ ký)

PHỤ LỤC 007

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTC ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài chính)

THÔNG BÁO

V/v Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán)

1. Tên đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại mail:
4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán số:
cấp ngày:/...../.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán của các kế toán viên hành nghề sau đây hết hiệu lực hoặc không còn giá trị:

STT	Họ và tên	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán			Lý do Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị
		Số	Thời hạn	Ngày hết hiệu lực hoặc không còn giá trị	

Đơn vị xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của những nội dung kê khai trên và các tài liệu gửi kèm Thông báo này.

....., ngày.... tháng... năm

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA ĐƠN VỊ**

(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

PHỤ LỤC 008

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KẾ TOÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTC ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KẾ TOÁN**

Số:

Cấp lần đầu, ngày tháng năm

Cấp lại lần thứ, ngày tháng năm

Có hiệu lực kể từ ngày...tháng...năm...

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 297/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính về cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán của (tên doanh nghiệp).

CHỨNG NHẬN:

1. Tên doanh nghiệp:

2. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

3. Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

4. Địa chỉ trụ sở chính:

5. Người đại diện theo pháp luật:

5.1. Họ và tên: Giới tính:

Ngày sinh: Chức vụ:

Chứng chỉ kế toán viên/kiểm toán viên số: cấp ngày:

Được hành nghề dịch vụ kế toán tại (tên doanh nghiệp) từ ngày...tháng...năm

5.2. Họ và tên: Giới tính:

Ngày sinh: Chức vụ:

Chứng chỉ kế toán viên/kiểm toán viên số: cấp ngày:

Được hành nghề dịch vụ kế toán tại (tên doanh nghiệp) từ ngày...tháng...năm

6. Giám đốc/Tổng Giám đốc (Nếu không đồng thời là người đại diện theo pháp luật):

Họ và tên

Ngày sinh: Giới tính:

Chứng chỉ kế toán viên/kiểm toán viên số: cấp ngày:

Được hành nghề dịch vụ kế toán tại (tên doanh nghiệp) từ ngày....tháng....năm...

ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KẾ TOÁN

Theo quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13.

Ngày.... tháng năm

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT
KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
DỊCH VỤ KẾ TOÁN**

Bìa 3

NHỮNG QUY ĐỊNH

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán phải:

- 1. Duy trì và đảm bảo các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán trong suốt thời gian hoạt động.*
- 2. Không sửa chữa, tẩy xóa nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.*
- 3. Không cho thuê, cho mượn, cầm cố, mua bán, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.*
- 4. Thông báo với Bộ Tài chính và làm thủ tục cấp lại theo quy định nếu có thay đổi về tên, người đại diện theo pháp luật, giám đốc, tổng giám đốc và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam.*
- 5. Trình báo ngay cho cơ quan Công an và thông báo cho Bộ Tài chính trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, đồng thời làm hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định.*
- 6. Nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính khi chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc khi có quyết định thu hồi./.*

PHỤ LỤC 009**MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG***(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BTC ngày tháng năm của Bộ Tài chính)***TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH**
DỊCH VỤ KẾ TOÁN**BÁO CÁO****Tình hình hoạt động năm**
(từ 01/01 đến 31/12)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện quy định của Thông tư số 297/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, *(tên đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán)* báo cáo tình hình hoạt động năm như sau:

1. Tình hình nhân viên:

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số nhân viên đến 31/12				
II. Số người có chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên Việt Nam				
1. Người Việt Nam				
2. Người nước ngoài				
III. Số người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán				
1. Người Việt Nam				
2. Người nước ngoài				
IV. Số người có Chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên nước ngoài				
1. Người Việt Nam				
2. Người nước ngoài				

2. Tình hình doanh thu:

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu		

Trong đó: Doanh thu dịch vụ kế toán (Dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng, lập BCTC, tư vấn kế toán và các công việc khác thuộc nội dung công tác kế toán theo quy định của Luật kế toán)		
--	--	--

3. Tình hình khách hàng

Đơn vị tính: Khách hàng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng số lượng khách hàng		
Trong đó: Số lượng khách hàng dịch vụ kế toán		

4. Số lượng hợp đồng dịch vụ kế toán

Đơn vị tính: Hợp đồng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng số lượng hợp đồng dịch vụ kế toán		
Trong đó: Số lượng hợp đồng dịch vụ kế toán		

5. Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Tổng số vốn điều lệ ⁽¹⁾		
2. Kết quả kinh doanh sau thuế (Lãi +; Lỗ -)		
3. Nộp Ngân sách		
- Thuế Giá trị gia tăng		
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế và các khoản phải nộp khác		
4. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)		
5. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (%)		

6. Những thay đổi trong năm:

(Đổi tên công ty; thay đổi người đại diện theo pháp luật, Giám đốc/Tổng Giám đốc); thay đổi hình thức sở hữu; chuyển đổi loại hình; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; tăng giảm kế toán viên đăng ký hành nghề...)

7. Thuận lợi, khó khăn và các kiến nghị, đề xuất hoặc thông tin khác công ty cần cung cấp cho Bộ Tài chính (nếu có):

- Thuận lợi
- Khó khăn
- Kiến nghị (với Bộ Tài chính, với VAA, ...)
- Thông tin khác.

....., ngày tháng năm
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
*(Ký tên, ghi rõ họ và tên và đóng
dấu)*

Ghi chú:

(1) Ghi theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy tờ khác có giá trị tương đương.

PHỤ LỤC 010*(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BTC ngày tháng năm của Bộ Tài chính)***“CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KẾ TOÁN****NĂM**

Căn cứ Quyết định số..... ngày...../...../..... của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán năm và Quyết định thành lập đoàn kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán tại Công ty..... theo nội dung quy định tại Thông tư, ngày..... Bộ Tài chính (Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán) đã tiến hành kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán tại Công ty.....

Thành phần Đoàn kiểm tra

1/ Ông (Bà)..... Chức vụ.....

2/ Ông (Bà)..... Chức vụ.....

3/ Ông (Bà)..... Chức vụ.....

.....

Đại diện Công ty.....

1/ Ông (Bà)..... Chức vụ.....

2/ Ông (Bà)..... Chức vụ.....

3/ Ông (Bà)..... Chức vụ.....

.....

Hai bên cùng nhau thống nhất các vấn đề liên quan tới mục đích kiểm tra, trách nhiệm của các bên và kết quả kiểm tra như sau:

I. Mục đích kiểm tra

- Đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật về đăng ký, duy trì điều kiện hành nghề và điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán;

- Đánh giá tình hình tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật kế toán liên quan trong quá trình cung cấp dịch vụ kế toán của đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán;

- Phát hiện, chấn chỉnh kịp thời các tồn tại, đề xuất biện pháp khắc phục các sai sót và xử lý đối với các sai phạm phát hiện qua kiểm tra.

Lý do kiểm tra:.....

.....

II. Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của đối tượng được kiểm tra

- Tuân thủ hệ thống chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật kế toán liên quan trong quá trình hành nghề và kinh doanh dịch vụ kế toán;
- Cung cấp cho Đoàn kiểm tra đầy đủ tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp pháp của các tài liệu cung cấp;
- Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn kiểm tra thực hiện công việc, bố trí kế toán viên hành nghề và đại diện Ban Giám đốc làm việc để sẵn sàng trao đổi, giải thích các thông tin theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra;
- Nếu có những vấn đề còn có ý kiến khác nhau về kết quả kiểm tra, đối tượng được kiểm tra được bảo lưu ý kiến trong Biên bản kiểm tra.
- Khắc phục các tồn tại, sai sót mà Đoàn kiểm tra đã phát hiện trong quá trình kiểm tra tại đơn vị.

2. Trách nhiệm của Đoàn kiểm tra

- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về hành nghề và kinh doanh dịch vụ kế toán;
- Kiểm tra việc tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật kế toán liên quan;
- Đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan với đối tượng được kiểm tra; Việc kiểm tra không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của đơn vị được kiểm tra;
- Bảo mật các thông tin, tài liệu mà đơn vị cung cấp trong quá trình kiểm tra;
- Trên cơ sở kết quả kiểm tra tuân thủ, xét đoán chuyên môn, Đoàn kiểm tra kết luận tổng thể về hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán của đơn vị.

III. Kết quả kiểm tra

Sau ngày làm việc, Đoàn kiểm tra đã nắm được một số tình hình chủ yếu như sau:

1. Cơ cấu tổ chức và tình hình hoạt động của đơn vị được kiểm tra và hạn chế phạm vi kiểm tra (nếu có)

2. Kết quả kiểm tra tuân thủ pháp luật về hành nghề, kinh doanh dịch vụ kế toán

2.1. Quy trình và thủ tục kiểm tra.

2.2. Kết quả kiểm tra và ý kiến kết luận về tình hình tuân thủ pháp luật về hành nghề và kinh doanh dịch vụ kế toán đồng thời kiến nghị biện pháp khắc phục, sửa chữa các hạn chế, sai sót (nếu có).

3. Kết quả kiểm tra tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật về kế toán liên quan

3.1. Các hồ sơ dịch vụ kế toán được lựa chọn kiểm tra.

3.2. Kết quả kiểm tra và ý kiến kết luận về tình hình tuân thủ pháp luật về chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật kế toán liên quan của các hồ sơ dịch vụ kế toán đồng thời kiến nghị biện pháp khắc phục, sửa chữa các hạn chế, sai sót (nếu có).

4. Ý kiến của Công ty:

- Ý kiến giải trình:

.....

- Kiến nghị đối với Bộ Tài chính (nếu có)

.....

- Kiến nghị đối với cơ quan khác (nếu có)

.....

Trong thời gian làm việc, Công ty đã/chưa có thái độ hợp tác, phối hợp, cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đầy đủ, kịp thời để Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ được giao.

Biên bản kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán này đã thông qua với sự nhất trí của cả hai bên và được lập thành 04 bản: 01 bản Công ty giữ, 03 bản cơ quan chủ trì kiểm tra giữ.

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
TRƯỞNG ĐOÀN**

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC**

THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TRA

PHỤ LỤC 011*(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BTC ngày tháng năm của Bộ Tài chính)*

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT
KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày tháng năm***BÁO CÁO****Tổng hợp kết quả kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán năm**

Thực hiện kế hoạch kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán năm, từ ngày.... đến ngày... Bộ Tài chính (Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán) đã chủ trì tổ chức kiểm tra trực tiếp hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán tại ... đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán, bao gồm:

- 1/ Công ty
- 2/ Công ty
-

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Mục đích kiểm tra**

- Đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật về đăng ký, duy trì điều kiện hành nghề và điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán;
- Đánh giá tình hình tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật kế toán liên quan trong quá trình cung cấp dịch vụ kế toán của đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán;
- Phát hiện, chấn chỉnh kịp thời các tồn tại, đề xuất biện pháp khắc phục các sai sót và xử lý đối với các sai phạm phát hiện qua kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra

2.1. Kiểm tra tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật về đăng ký, duy trì điều kiện hành nghề và kinh doanh dịch vụ kế toán của người hành nghề dịch vụ kế toán và các đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam, bao gồm:

- a) Việc đăng ký, duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán và thực hiện nghĩa vụ báo cáo, thông báo của đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán;
- b) Việc đăng ký, duy trì điều kiện hành nghề dịch vụ kế toán và thực hiện nghĩa vụ báo cáo, thông báo của kế toán viên hành nghề.

2.2. Kiểm tra tình hình tuân thủ các quy định của chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật về kế toán liên quan của đối tượng được kiểm tra khi cung cấp dịch vụ kế toán cho khách hàng. Chuẩn mực nghề nghiệp bao gồm các chuẩn mực kế toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

3. Thành phần Đoàn kiểm tra:.....

4. Quy trình kiểm tra:.....

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Tổng quan chung về các đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán được kiểm tra
2. Về đặc điểm khách hàng của doanh nghiệp được kiểm tra
3. Đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật về đăng ký và duy trì điều kiện hành nghề và điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán
4. Đánh giá về tình hình tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, chế độ kế toán và pháp luật kế toán có liên quan
5. Kiến nghị của đối tượng được kiểm tra

III. TỔNG HỢP CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ VI PHẠM CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC KIỂM TRA

1. Biện pháp xử lý đối với các hạn chế, sai phạm.
2. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị để khắc phục các sai sót, tồn tại và hạn chế đã được Đoàn kiểm tra phát hiện trong quá trình kiểm tra.